

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2023

V/v tranh chấp “*Không công nhận là vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương;
Ông Phạm Ngọc Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc “không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1976 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1973 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do lo đi làm ăn nên không để ý đến thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 1995 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Tấn T thường có tính cộc cằn và hay nghe lời gia đình, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà, dùng những lời nói không tế nhị xúc phạm bà và gia đình bà, vì hạnh phúc gia đình và con chung bà cố gắng chịu đựng, nhưng ông Nguyễn Tấn T ngày càng đánh đập, xúc phạm bà nhiều hơn, nên bà phải bỏ gia đình đi làm ăn xa từ năm 2017.

Hiện bà với ông Nguyễn Tấn T đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Tấn T, nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Bà với ông Nguyễn Tấn T sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Việt T1, sinh năm 1995 và Nguyễn Quỳnh Như H, sinh năm 1997, hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông với bà Lê Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do lo đi làm ăn nên không để ý đến thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa ông với bà Lê Thị Kim L sống không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi nhau, có lúc tức giận ông có đánh bà Lê Thị Kim L 01 – 02 tát tai, từ đó bà Lê Thị Kim L tự ý bỏ gia đình ra đi,

Hiện ông với bà Lê Thị Kim L sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay bà Lê Thị Kim L yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông, thì ông đồng ý, vì ông không còn tình cảm với bà Lê Thị Kim L.

Về con chung: Ông với bà Lê Thị Kim L sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Việt T1, sinh năm 1995 và Nguyễn Quỳnh Như H, sinh năm 1997, hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Vì ông bận công việc, không thể tham gia mọi hoạt động tố tụng tại Tòa án được, vì vậy ông xin được vắng mặt trong các lần triệu tập sau, cũng như hòa giải và xét xử

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L, không công nhận bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T là vợ chồng; Về con

chung đã trưởng thành nên không xem xét đến; Về tài sản chung tự thỏa thuận, nên không xem xét đến. Buộc bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp không công nhận là vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tấn T vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông Nguyễn Tấn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Mặc dù, theo quy định của pháp luật ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng thực tế từ trước đến nay ông bà không đăng ký kết hôn. Như vậy, bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T chưa tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Tấn T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T sống với nhau có 02 con chung, nhưng đã trưởng thành bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3]. Về tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư L tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “không công nhận là vợ chồng” của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L. Không công nhận quan hệ bà Lê Thị Kim L với ông Nguyễn Tấn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000861, ngày 04-5-2023 của Chi Cục T hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Minh

Lê Thị Hương

Nguyễn Thanh Bình